

Những nét nổi bật của nền kinh tế thế giới và kinh tế Việt Nam năm 2005

NGUYỄN THỊ LUYẾN^(*)

I. Kinh tế thế giới - thành tựu và vấn đề

1. Một số dự báo

Vào cuối năm 2004, các tổ chức kinh tế quốc tế như IMF, WB, OECD và các tổ chức nghiên cứu phi Chính phủ như Viện Kinh tế Quốc tế (IIE) và Viện Tài chính Quốc tế (IIF) đều nhận định rằng, nhịp độ tăng trưởng kinh tế toàn cầu đã đạt đỉnh vào năm 2004 và sẽ giảm vào năm 2005. Tổng sản lượng toàn cầu tăng 5% trong năm 2004 và sẽ tăng chậm lại ở mức 4,3% vào năm 2005. Riêng OECD thì cho rằng, kinh tế thế giới sẽ tăng trưởng trở lại trong năm 2005 và sẽ phục hồi vào cuối năm 2005 và đầu năm 2006 bất chấp giá dầu mỏ biến động mạnh.

Dự báo theo từng khu vực: kinh tế nhóm nước công nghiệp phát triển phục hồi mạnh mẽ trong năm 2004 cho dù giá dầu mỏ tăng chưa từng có, song sẽ tăng trưởng chậm lại vào năm 2005. Tiếp đó là nền kinh tế Mỹ vẫn duy trì được đà tăng trưởng trên 4%. Tuy nhiên, thâm hụt tài khoản vãng lai cùng với mất cân bằng tài khoá sẽ là những nguy cơ lớn trong thời gian tới. Triển vọng tăng trưởng của khu vực đồng euro là xán lạn, song nó sẽ bị tác động bởi yếu tố tăng giá. Trong số các nước đang phát triển, châu Á vẫn là khu vực tăng trưởng năng động và ổn định, trong đó phải kể đến sự bùng nổ tăng trưởng ở Trung Quốc với tỷ lệ tăng trưởng GDP năm 2004 đạt 9%, bất chấp những nỗ lực hãm đà tăng trưởng nóng của

^(*) TS., Trưởng phòng Phòng Thông tin Kinh tế, Viện Thông tin KHXH.

Chính phủ. Các dự báo đều cho rằng kinh tế Trung Quốc sẽ “hạ nhiệt” trong năm 2005, tuy nhiên nhịp độ tăng trưởng vẫn sẽ đạt trên 8%/năm. Chính sự năng động của thị trường Trung Quốc đã kéo nền kinh tế Nhật Bản ra khỏi tình trạng trì trệ. Ba nước đầu tàu là Mỹ, Nhật Bản và Trung Quốc đều sẽ giảm tốc vào năm 2005 dẫn đến suy giảm tốc độ tăng trưởng toàn cầu trong năm 2005.

Điều đáng chú ý là năm 2005 sẽ chứng kiến *sự phân kỳ trong chu kỳ tăng trưởng* của các trung tâm kinh tế thế giới. Năm 2005, khu vực Tây Âu có lẽ sẽ là trung tâm duy nhất đạt tốc độ tăng trưởng cao hơn năm 2004. Tốc độ tăng trưởng đó giúp giảm nhẹ tình trạng thất nghiệp tại các nước phát triển (từ 6,3% xuống còn 6,1%). Trong số các nền kinh tế mới nổi lên, mặc dù năm 2004 có sự tăng trưởng tuyệt vời của khu vực Mỹ Latin, nhưng sang năm 2005 tăng trưởng của khu vực các nước này sẽ giảm (khoảng 5,4% so với 6,2% của năm 2004). Khu vực châu Phi/Trung Đông sẽ đạt tốc độ tăng trưởng cao hơn năm 2004, còn nhịp độ tăng trưởng của các khu vực khác đều giảm sút. Khu vực Đông Á sẽ tăng trưởng chậm lại ở mức 5,9% trong năm 2005 sau khi đạt mức kỷ lục 7,1% vào năm 2004. Theo dự báo của WB, *năm 2005 chỉ có Việt Nam đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế cao hơn năm 2004* còn các nền kinh tế Đông Á khác đều giảm nhịp độ tăng trưởng. Điều đáng quan tâm là, do giá nguyên vật liệu tăng nên tình trạng lạm phát cũng gia tăng. Tuy nhiên, trong năm 2005 lạm phát toàn cầu vẫn nằm trong tầm kiểm soát của các Chính phủ trên thế giới, với mức 2,6% (tăng 0,3 điểm so với năm 2004).

Thương mại và đầu tư toàn cầu vẫn tăng trưởng nhưng nhịp độ chậm hơn. Thương mại toàn cầu tiếp tục là động lực tăng trưởng. WB cho rằng, khối lượng thương mại toàn cầu tăng 11,1% năm 2004 sẽ tăng chậm lại ở mức 8,7% năm 2005. Còn theo OECD, tăng trưởng thương mại toàn cầu vào năm 2004 đạt 9,5%, sau đó sẽ chậm lại ở mức 9% trong năm 2005 và thực sự phục hồi trở lại ở mức 9,5% vào năm 2006. Một vấn đề thương mại quốc tế lớn trong năm 2005 là chế độ hạn ngạch dệt may toàn cầu trong khung khổ Hiệp định Dệt may 1995 (AC/WTO 1995) sẽ hết hiệu lực từ ngày 1/1/2005, theo đó đa số các nước thành viên WTO sẽ không còn áp dụng hạn ngạch dệt may đối với nhau. Như vậy trên thị trường dệt

may, các cường quốc như Trung Quốc và Ấn Độ sẽ hưởng lợi lớn do có nền công nghiệp dệt may phát triển khá toàn diện, trong khi các nhà sản xuất tại Bắc Mỹ và châu Âu sẽ bị thiệt hại do mất lợi thế vốn có về hạn ngạch.

Tuy nhiên, các tổ chức kinh tế thế giới nêu trên cũng dự báo về *những nguy cơ đối với triển vọng tăng trưởng kinh tế thế giới*. Họ cho rằng, trong năm 2005, một số yếu tố bất ổn vẫn đe dọa đà tăng trưởng của nền kinh tế thế giới.

Trước hết là *môi trường chính trị và an ninh vẫn bất ổn khó lường*: hai nhân tố địa - chính trị gây tình trạng bất trắc về an ninh là cuộc chiến khủng bố toàn cầu và cuộc chiến tranh mà Mỹ vẫn đang tiến hành ở Iraq. Hiện vẫn chưa có nghiên cứu nào kết luận về hai nhân tố trên tác động mạnh và trực tiếp tới tăng trưởng kinh tế thế giới như thế nào, song rõ ràng là chúng làm tăng mức độ rủi ro trong các giao dịch kinh tế và gây mất an ninh dầu mỏ toàn cầu. Ngoài ra khu vực Trung Đông sẽ đứng trước nhiều bất trắc nếu khoảng trống quyền lực không được dàn xếp ổn thoả sau khi chủ tịch Yasser Arafat qua đời.

Thứ hai là *sự bấp bênh của giá dầu mỏ thế giới*, hiện vẫn đang ở mức cao kỷ lục kể từ thập kỷ 1970, sẽ vẫn là nguy cơ tiềm ẩn đối với tăng trưởng của nền kinh tế thế giới. Ngoài nguyên nhân do các yếu tố cung (chiến tranh Iraq, sự cắt giảm đầu tư của các tập đoàn dầu mỏ lớn cho các cơ sở khai thác dầu mỏ thế giới, thất bại của OPEC và các nhà khai thác dầu mỏ do dự báo sai về nhu cầu và sự can thiệp trực tiếp của họ vào thị trường dầu mỏ thế giới) là yếu tố cầu tăng cao của các nước Trung Quốc và Ấn Độ. Chỉ trong 13 năm gần đây hai nước này đã tăng tổng mức tiêu thụ dầu mỏ lên gấp đôi và chiếm 10% tổng lượng tiêu thụ toàn cầu. Nhiều nhà dự báo cho rằng giá dầu mỏ sẽ tăng mạnh trong năm 2005 và 2006, có thể lên tới 60 USD/một thùng vào giữa năm 2005 và lên 80 USD/thùng vào năm 2006 do cung thiếu hụt nặng nề. Quan điểm này cho rằng, nguồn cung từ lượng dự trữ chiến lược của các quốc gia cũng như việc tăng sản lượng của OPEC không giúp gì được “sự thiếu hụt cung”, vì chúng không được điều tiết kịp thời.

Thứ ba là *các cân đối vĩ mô, đặc biệt là cán cân tài khoản*

vãng lai, sẽ có những điều chỉnh hết sức nhạy cảm trong năm 2005. Nếu quá trình này không được điều tiết và phối hợp tốt thì tình trạng bất ổn định kinh tế vĩ mô và tranh chấp kinh tế và thương mại toàn cầu sẽ xuất hiện tại nhiều nền kinh tế quốc gia và khu vực. Mỹ đã bắt đầu chuyển sang hướng chính sách tiền tệ thắt chặt. Xu thế tăng lãi suất diễn ra giữa lúc các cân đối kinh tế vĩ mô của Mỹ đang cần những điều chỉnh quan trọng để khắc phục tình trạng “thâm hụt kép” - thâm hụt ngân sách và thâm hụt thương mại - sẽ đòi hỏi Chính quyền Tổng thống Bush xử lý hết sức khéo léo vấn đề tỷ giá đồng đôla, đặc biệt là trong quan hệ với đồng Nhân dân tệ Trung Quốc. Điều hết sức quan trọng là việc điều chỉnh kinh tế vĩ mô của Mỹ sẽ tác động mạnh tới các nền kinh tế khác, đặc biệt là các quốc gia châu Á vốn phụ thuộc nhiều vào thị trường Mỹ và hết sức nhạy cảm với sự lên xuống của đồng đôla.

Thứ tư là sự “hạ cánh nhẹ nhàng” của nền kinh tế Trung Quốc cũng sẽ tác động tới triển vọng kinh tế thế giới trong thời gian tới. Chính sách cắt giảm đầu tư công gần đây của Trung Quốc đã phần nào phát huy tác dụng song tiêu dùng và đầu tư tư nhân vẫn bùng nổ. Dự báo trong năm 2005, dòng vốn chảy vào Trung Quốc vẫn sẽ tăng lên đạt 54 tỷ USD so với mức 51 tỷ USD năm 2004. Bên cạnh đó, Trung Quốc đã thắt chặt chính sách tiền tệ từ tháng 10 năm 2004, điều chỉnh chính sách đầu tư và tính tới lộ trình thay đổi cơ chế tỷ giá để “hạ cánh an toàn” và tăng trưởng bền vững nền kinh tế. Thị trường Trung Quốc ngày nay không chỉ là động lực tăng trưởng của khu vực Đông Á mà còn là “công xưởng” của nền kinh tế thế giới.

Trên cơ sở những dự báo nêu trên có thể rút ra một số nét cơ bản về triển vọng nền kinh tế thế giới năm 2005 như sau:

Tốc độ tăng trưởng GDP toàn cầu chậm lại song vẫn ở mức cao. Triển vọng kinh tế thế giới năm 2005 sẽ bị chi phối bởi các yếu tố chính trị, an ninh và kinh tế như: bất ổn định về an ninh và chính trị trên toàn cầu do cuộc chiến chống khủng bố toàn cầu và cuộc chiến tranh Iraq vẫn chưa biết khi nào kết thúc. Giá dầu mỏ vẫn bất ổn do nguồn cung còn nguy cơ bị “gián đoạn” trong khi nhu

cầu vãn tăng cao và công suất khai thác dự trữ không còn dồi dào. Sự bất trắc trong phối hợp chính sách vĩ mô toàn cầu trước làn sóng tăng lãi suất và những điều chỉnh quan trọng trong cân đối vĩ mô ở một loạt nền kinh tế lớn trong 2005. Cùng với hướng điều chỉnh thắt chặt chính sách tiền tệ ở Mỹ, một loạt ngân hàng trung ương các nước cũng tiến hành tăng lãi suất kể từ giữa năm 2004. Xu hướng này sẽ còn kéo dài tới cuối năm 2005. Hệ quả là sẽ có những “điểm cân bằng mới” trong các cân đối vĩ mô của các nền kinh tế chủ chốt. Đặc biệt là việc Mỹ để đồng đôla giảm giá nhằm giảm thâm hụt tài khoản vãng lai đang ở mức cao kỷ lục sẽ dẫn tới sự biến động mạnh giá trị đồng đôla so với các đồng tiền chủ chốt khác như đồng yên Nhật Bản, euro và nhân dân tệ. Do đó các nước cần chú ý và phản ứng tốt tới việc đồng đôla giảm giá và Trung Quốc thay đổi chế độ tỷ giá đồng nhân dân tệ.

Các dòng thương mại và đầu tư toàn cầu vẫn duy trì đà tăng trưởng, và nền kinh tế Trung Quốc đang ngày càng đóng vai trò quan trọng trong nền thương mại và đầu tư quốc tế. Vấn đề liệu Trung Quốc có “hạ nhiệt” được nền kinh tế tăng trưởng “nóng” của mình hay không tiềm ẩn những tác động quan trọng tới triển vọng thương mại và đầu tư toàn cầu. Sự kiện Hiệp định dệt may 1995 (ATC 1995) sẽ hết hiệu lực từ 1/1/2005 là một bước tiến cho khung khổ thương mại đa phương toàn cầu, đặc biệt, sự nỗ lực các sáng kiến hình thành Hiệp định thương mại song phương (BFTA) trên toàn cầu đang đặt ra nhiều thách thức cho việc đàm phán và thực thi cam kết thuộc khung khổ thương mại đa phương. *Giá dầu thế giới sẽ tăng tới mức kỷ lục so với những thập kỷ trước đây*. Năm 2004 đánh dấu sự chấm dứt thời kỳ giá dầu thô thấp. Nếu như trước năm 2004, giá dầu thô thường ở mức dưới 30 USD/thùng thì trong vài năm tới giá dầu thô sẽ được duy trì ở mức cao trên 30 USD/thùng. OPEC đang tính tới khả năng nâng biên độ giá “cân bằng” từ 22 - 28 USD Mỹ/thùng lên mức giá sàn 30 USD Mỹ/thùng.

Đối với nền kinh tế Việt Nam

Các nhà kinh tế Việt Nam cũng như thế giới đều nhận định rằng, tuy tăng trưởng kinh tế của các nền kinh tế đầu tàu và thế giới sẽ suy giảm trong năm 2005 so với năm 2004 vì sự suy thoái

của các ngành công nghệ cao cũng như theo chu kỳ kinh tế, tăng trưởng của Việt Nam vẫn tiếp tục đạt tốc độ cao chủ yếu là do môi trường kinh doanh tiếp tục được cải thiện và nhu cầu nội địa ổn định. Tuy nhiên, xuất khẩu của Việt Nam sẽ bị ảnh hưởng đáng kể bởi sự suy giảm của nền kinh tế thế giới. Theo WB, xuất khẩu của Việt Nam trong năm 2005 sẽ chỉ đạt khoảng 13% so với mức 24% của năm 2004. Mức FDI dự báo sẽ không thay đổi so với năm 2004, ước tính khoảng 1,3 tỷ USD. Tăng trưởng FDI của năm 2005 tuy thấp hơn 2004 nhưng vẫn khá cao, chủ yếu là nguồn từ các nước Đông Á. Môi trường kinh doanh của Việt Nam tiếp tục được cải thiện tốt, là nhân tố quan trọng thu hút nguồn vốn này. Chế độ hạn ngạch dệt may trong khung khổ ATC 1995 hết hiệu lực vừa là cơ hội vừa là thách thức đối với Việt Nam. *Một mặt*, do chưa là thành viên của WTO Việt Nam sẽ bị bất lợi trên các thị trường có hạn ngạch như Mỹ, EU và Canada. *Mặt khác*, bất lợi trên chỉ là tạm thời một khi Việt Nam sớm gia nhập WTO. Hơn nữa, với lợi thế về chi phí lao động ở mức thấp nhất khu vực châu Á, ngành may mặc Việt Nam hoàn toàn có sức cạnh tranh trên các thị trường không áp dụng hạn ngạch. Lạm phát ở Việt Nam trong năm 2004 ước tính là 9%. Tuy nhiên, xu thế tăng lãi suất cùng với tốc độ tăng trưởng giảm sẽ có tác động đáng kể tới mức lạm phát của Việt Nam, dự báo sẽ chỉ ở mức 5% trong năm 2005.

Như vậy có nghĩa là, chính sách quan trọng của Việt Nam là tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh, đặc biệt là môi trường kinh doanh cho khu vực tư nhân. Điều này còn quan trọng hơn những biện pháp kích cầu. Giảm rủi ro vĩ mô, giảm bớt các quy định kinh doanh cũng như tăng mức độ chuyển dịch tự do các nhân tố sản xuất như vốn và lao động, cũng như tăng tốc độ minh bạch hoá các quy định và chính sách là những nhân tố quyết định đối với sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam.

2. Thực tế tăng trưởng kinh tế thế giới năm 2005

Cuối năm 2005, các tổ chức kinh tế thế giới và phi Chính phủ đã chứng kiến thực tế phát triển kinh tế của thế giới và đưa ra những đánh giá xác thực hơn. Họ cho rằng, những nhận định về triển vọng kinh tế thế giới năm 2005 là tương đối chính xác:

Năm 2005 - kinh tế thế giới tăng trưởng chậm lại.

Thực tế cho thấy sự khốn đốn vì chi phí quá tốn kém cho dầu lửa và nền kinh tế thế giới tăng trưởng ở mức vừa phải trong năm 2005 do tác động của tốc độ phát triển chậm lại của các nước công nghiệp hoá. Được thúc đẩy bởi tốc độ phát triển kinh tế nhanh ở Trung Quốc và Ấn Độ, các nước đang phát triển chỉ đạt được sự tăng trưởng vững chắc. Hiện có nhiều dự đoán cho rằng châu Á sẽ dẫn đầu tốc độ tăng trưởng kinh tế thế giới - mặc dù Nhật Bản đang phải đối mặt với tình trạng suy thoái mới và Mỹ sẽ vẫn qua mặt châu Âu.

Theo WB, tốc độ tăng trưởng của kinh tế thế giới trong năm 2005 bị giảm sút, chỉ đạt 3,2% so với 4% được ước tính trước đây. Các nhân tố toàn cầu dẫn đến tốc độ tăng trưởng chậm hơn này bao gồm: *giá dầu cao và dễ biến động làm cho thu nhập giảm, đầu tư giảm do lãi suất cao hơn và những quan ngại về thâm hụt buôn bán và thanh toán vãng lai của Mỹ tăng mạnh*. Thống đốc Ngân hàng Nhật Bản Toshihiko Fukui nhận định “Kinh tế toàn cầu đang chững lại nhưng có thể sẽ tiếp tục phát triển trên cơ sở kinh tế Mỹ và Trung Quốc đang phục hồi”.

Còn theo báo cáo mới nhất về triển vọng kinh tế được Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD) công bố tháng 11 năm 2005, giá dầu đã gây nhiều thiệt hại cho các nền kinh tế lớn, do đó tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm nay có thể chỉ ở mức 2,9% so với 3,4% dự báo. Đối với khu vực sử dụng đồng euro gồm 12 nước thành viên, mức tăng trưởng kinh tế giảm xuống còn 1,9% so với mức 2,4% dự báo năm 2004. Tổ chức này cho rằng, giá dầu duy trì ở mức cao và đồng euro tăng giá đang đè nặng lên các mặt hàng xuất khẩu của châu Âu sang Bắc Mỹ và Trung Quốc. Mỹ sẽ dẫn đầu đà phục hồi kinh tế thế giới, nhưng mức tăng trưởng cũng giảm xuống, và Nhật Bản cũng vậy.

Mặc dù giá dầu đã hạ nhiều so với mức kỷ lục 55 USD/thùng hồi tháng 10, OECD vẫn cho rằng nhu cầu thế giới về dầu mỏ vẫn tăng, đặc biệt là từ các nền kinh tế đang trỗi dậy như Trung Quốc, và sẽ đứng ở mức cao hơn mức những năm 1990. Nhà kinh tế hàng đầu của WB, ông François Bourguignon nhận định: “Đối với các

nước đang phát triển năm 2004 là năm phát triển bền vững nhất trong 3 thập kỷ qua. Đông Á đã ra khỏi cuộc khủng hoảng năm 1997-1998. Các nước châu Âu và Trung Á gần như hoàn toàn ra khỏi cái bóng của chu kỳ chuyển đổi từ chủ nghĩa xã hội và đang phát triển nhanh hơn. Các nước Nam Á, được khuyến khích bởi công cuộc cải cách đang diễn ra, đang đạt được những thành tích tốt đẹp”. Trong năm 2005, các nước đang phát triển sẽ đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế 5,4%. Việc cải thiện nền tảng kinh tế cơ bản sẽ giúp thúc đẩy tăng trưởng kinh tế tính theo đầu người tại các quốc gia này ở mức trung bình 3,5%/năm thời kỳ năm 2006 – 2015, tăng gấp đôi tốc độ tăng trưởng của những năm 1990. WB cho rằng “Với mức tăng trưởng nói trên, nhiều nước đang phát triển có thể giảm 1/2 số người nghèo vào năm 2015”.

Tại châu Á, *sự bùng nổ của kinh tế Trung Quốc* dự kiến vẫn tiếp diễn với tốc độ phát triển nhanh nhất khu vực, bất chấp những nỗ lực nhằm “hạ nhiệt” nền kinh tế phát triển quá “nóng” (9%) của Bắc Kinh bằng cách cắt giảm chi tiêu công cộng và các khoản cho vay của ngân hàng cũng như tăng lãi suất chỉ đạo. Nhu cầu nội địa lớn và xuất khẩu tăng mạnh tại quốc gia có 1,3 tỷ dân này đang thúc đẩy buôn bán trên khắp các khu vực. Xu hướng này có thể vẫn diễn ra chừng nào những người tiêu thụ ở châu Âu và Mỹ còn tiếp tục mua hàng hoá “sản xuất tại Trung Quốc”. WB dự đoán với sự hậu thuẫn của Ấn Độ, Đông Á có thể vẫn là khu vực phát triển nhanh nhất thế giới với tốc độ tăng trưởng 7,1% trong năm 2005.

Trong khi đó, số liệu của Chính phủ Nhật Bản cho thấy kinh tế Nhật Bản dường như đang hướng tới một thời kỳ suy thoái mới. Ngày càng có nhiều e ngại rằng tình trạng xuất khẩu sẽ giảm sút, trong khi tiêu dùng tăng trở lại không đủ để duy trì phục hồi kinh tế. Theo Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB), do xuất khẩu tăng ở mức khiêm tốn và tiêu dùng phục hồi từ từ, Nhật Bản sẽ tăng trưởng ở mức ổn định từ 1,6 đến 2%. WB dự đoán kinh tế Nhật Bản sẽ tăng trưởng 1,8% trong năm 2005. Thống đốc Ngân hàng Nhật Bản cho rằng “Đà phục hồi trong hoạt động sản xuất và xuất khẩu đang chậm lại, nhưng cơ chế phục hồi kinh tế vẫn đang hoạt động và nền kinh tế Nhật Bản sẽ tiến trên con đường phục hồi liên tục”.

Tuy nhiên, kinh tế Nhật Bản vẫn đứng trước nhiều thách thức. Đồng đôla rớt giá, giá dầu tăng cao làm tăng thêm mối quan ngại về tình trạng suy thoái thế giới có thể gây phương hại đến sự phát triển của lĩnh vực xuất khẩu. Những quan ngại loại này đã trở nên sâu sắc tại các quốc gia như Thailand và Hàn Quốc, những nước đang muốn nhu cầu tiêu dùng nội địa bởi các hộ gia đình đã bớt chi tiêu. Nhiều nước châu Á hiện đang chờ xem liệu Trung Quốc có chịu khuất phục trước sức ép đòi nói lỏng sự gắn kết giữa đồng nhân dân tệ với đồng đôla hay không, một sự thay đổi có thể khiến các nước láng giềng tiến hành những điều chỉnh tương tự. Nhưng Bắc Kinh đang xua tan những tin đồn về việc tăng giá đồng nhân dân tệ và lập luận rằng việc giữ đồng tiền này ổn định là cách tốt nhất để duy trì tăng trưởng kinh tế và ngăn chặn những biến động đầu cơ tác động tiêu cực đến thị trường tài chính và ngân hàng Trung Quốc.

Bên cạnh đó, theo Báo cáo của ADB, nhiều nước trong khu vực bị ảnh hưởng rất lớn từ chuyện tăng giá dầu thế giới. Chẳng hạn, do giá dầu tăng và chiều hướng giảm toàn cầu của các mặt hàng thuộc lĩnh vực điện tử nên tốc độ tăng trưởng kinh tế của các nước như Philippines, Malaysia, Thailand có phần giảm sút (Thailand - tốc độ tăng trưởng giảm từ 5,8% xuống còn 5% trong năm nay). Báo cáo cũng cho biết, mức tăng GDP trung bình năm 2005 của khu vực Đông Á là 6,9%, tại Nam Á là 6,8% và tại Trung Á có mức tăng 7,4%. Điều đặc biệt mà các nhà dự báo không lường trước được, đó là vấn đề thiên tai và dịch bệnh - sởi thần và dịch cúm gia cầm đã ảnh hưởng không nhỏ tới tăng trưởng kinh tế khu vực này.

Kinh tế Mỹ được dự kiến sẽ chỉ tăng trưởng khoảng 3,5% hoặc hơn một chút trong năm 2005 này. Đà tăng trưởng của 12 nước thuộc khu vực sử dụng đồng euro chậm lại khá nhiều, sau khi tương đối khả quan trong 6 tháng đầu năm 2005. Sau khi khảo sát thực tế, Ngân hàng châu Âu (ECB) dự đoán tăng trưởng kinh tế khu vực này trong năm 2005 chỉ vào khoảng 1,4 đến 2,4% so với 1,8-2,4% hiện nay.

II. Kinh tế Việt Nam - quan điểm và thực tiễn phát triển

1. Quan điểm đổi mới và phát triển

Sau 20 năm đổi mới, nền kinh tế Việt Nam đã có nhiều khởi sắc. Đặc biệt là trong 5 năm gần đây (2001-2005) nền kinh tế Việt Nam bắt đầu giai đoạn khôi phục tăng trưởng một cách vững chắc, với kết quả tăng trưởng được cải thiện rõ rệt qua từng năm. Mức tăng trưởng GDP hàng năm tăng từ 6,89% năm 2001 lên 7,69% năm 2004 và năm 2005 dự kiến đạt gần 8%. Theo một số nhà kinh tế Việt Nam, việc khôi phục tốc độ tăng trưởng như vậy thể hiện sự quyết tâm của Việt Nam nhằm thoát khỏi sự tụt hậu so với nhiều nền kinh tế trên thế giới và trong khu vực, tình trạng mà Đảng Cộng sản Việt Nam coi là nguy cơ lớn nhất và nguy hiểm nhất đối với đất nước.

Trong bối cảnh quốc tế không hoàn toàn thuận lợi cho tăng trưởng (dòng đầu tư nước ngoài sụt giảm mạnh, thị trường thế giới cho nhiều mặt hàng xuất nhập khẩu chủ lực của Việt Nam gặp khó khăn), thành công của nỗ lực đó dựa trên nhiều cơ sở. Nguyên nhân bao trùm, cơ bản của việc vực dậy tốc độ tăng trưởng là nỗ lực tiếp tục đổi mới mạnh mẽ nền kinh tế theo hướng thị trường và mở cửa hội nhập, những yếu tố cơ bản đã từng đem lại cho Việt Nam những bước tiến ngoạn mục trong nửa đầu thập niên 1990. Theo đánh giá tổng kết 20 năm đổi mới kinh tế Việt Nam cho thấy, lúc nào, nơi nào duy trì được quyết tâm và nỗ lực cải cách theo hướng thị trường - mở cửa một cách triệt để và nhất quán thì khi đó, nơi đó thu được những thành quả tăng trưởng và phát triển to lớn và bền vững. Ngược lại, mọi sự do dự trước việc chuyển sang nền kinh tế thị trường, mở cửa đều trực tiếp làm giảm rõ rệt các kết quả thực tiễn.

Một số nhà nghiên cứu kinh tế Việt Nam cho rằng, *từ năm 2000, tiến trình cải cách thể chế kinh tế Việt Nam chuyển sang một giai đoạn mới. Điểm khởi đầu quan trọng nhất và cũng là nội dung đổi mới thể chế quan trọng của giai đoạn này là việc áp dụng Luật Doanh nghiệp (mới), mà tư tưởng cơ bản của nó là tạo điều kiện thuận lợi và môi trường thông thoáng cho sự phát triển của khu vực*

kinh tế tư nhân. Theo đó hàng loạt sự trỗi buộc, ngăn cản tư nhân phát triển đã được tháo gỡ. Kết cục, cho đến nay Việt Nam đang được *chứng kiến sự trỗi dậy như một làn sóng mãnh liệt của khu vực kinh tế này*. Dù tính theo chỉ số nào - số lượng doanh nghiệp mới thành lập, vốn huy động mới hay số việc làm mới - đều vượt xa tổng số đạt được của 10 năm trước đó. Các nhà kinh tế đều khẳng định, khu vực kinh tế tư nhân Việt Nam ngày càng xác định được vai trò to lớn và vị thế quan trọng của mình trong nền kinh tế quốc gia. Xu thế này cho thấy sự chuyển hướng mạnh mẽ trong việc phân bổ các nguồn lực phát triển giữa các khu vực kinh tế; các nguồn lực có cơ hội chảy vào khu vực nào biết sử dụng chúng hiệu quả. Đối với Việt Nam, sự thay đổi chiều vận động đó của dòng vốn là đặc biệt có ý nghĩa. Nó chứng minh rõ ràng và thuyết phục cho giá trị phát triển thực sự của các hành động cải cách theo hướng thị trường. Với chính sách mở cửa và hội nhập quốc tế hiện nay, tuy dòng vốn *FDI và ngoại thương* có động thái không ổn định, song vai trò *động lực tăng trưởng chủ chốt của chúng đối với nền kinh tế Việt Nam* ngày càng được khẳng định rõ. Theo đánh giá chung, đến nay, nền kinh tế Việt Nam có mức độ mở cửa rất lớn (khoảng 120%), thuộc nhóm nước có độ mở cửa cao nhất thế giới và khu vực. Đây là điều rất đáng chú ý, vì Việt Nam là nước có trình độ phát triển thấp lại chuyển sang quỹ đạo thị trường - mở cửa chậm hơn so với nhiều nước trên thế giới và trong khu vực.

Gắn với *quan điểm về vai trò của mở cửa và hội nhập quốc tế đối với phát triển kinh tế Việt Nam* là tác động của *Hiệp định Thương mại Việt-Mỹ ký kết năm 2001*. Theo các nhà kinh tế Việt Nam, việc ký kết này tạo ra một sự bùng nổ xuất khẩu sang thị trường lớn nhất thế giới và là “thị trường chỗ dựa” hàng đầu cho tất cả những “thần kỳ” Đông Á trước đây cũng như hiện nay. Chỉ 2 năm sau khi ký kết Hiệp định này, xuất khẩu của Việt Nam vào thị trường Mỹ đã tăng lên theo cấp số nhân, đồng thời Mỹ vươn lên chiếm vị trí thị trường xuất khẩu số 1 của Việt Nam. Qua đó cho thấy rằng, lợi ích mà quá trình mở cửa mang lại là to lớn, hiển nhiên và ngay lập tức. Thực tế này làm cho thái độ e ngại, chần chừ đối với hoạt động mở cửa và hội nhập quốc tế vốn nặng nề

trước đây ở Việt Nam giảm hẳn. Tiềm năng xuất khẩu của Việt Nam là rất lớn. Chỉ cần một thao tác “mở cửa”, nhiều trói buộc được gỡ bỏ, tiềm lực phát triển to lớn lâu nay có cơ hội bùng dậy và trở thành sức mạnh tăng trưởng hiện thực. Nhiều học giả cho rằng, *đây là bài học lớn, thậm chí là rất lớn cho Việt Nam khi đối mặt trực diện với quá trình hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới hiện nay và tương lai.*

Qua đó có thể thấy rằng, kinh nghiệm phát triển gần đây nhất của Việt Nam vẫn tiếp tục khẳng định *chân lý của đổi mới: kiên trì và triệt để với tư tưởng cải cách hướng tới thị trường, đẩy mạnh quá trình mở cửa - hội nhập là những động lực tăng trưởng và phát triển cơ bản của nền kinh tế chuyển đổi của Việt Nam.* Sự trỗi dậy của khu vực tư nhân (khía cạnh cải cách thể chế thị trường) và sự tăng trưởng xuất khẩu nhảy vọt sang thị trường Mỹ (khía cạnh mở cửa) là hai bằng chứng mới về tiềm năng cải cách, do đó, là triển vọng tăng trưởng to lớn kéo dài của nền kinh tế Việt Nam. Xu hướng này vẫn đang được đẩy mạnh với các hành động cải cách thể chế và hội nhập quốc tế, đặc biệt là việc soạn thảo và đã thông qua một số bộ luật trong đó có Luật Doanh nghiệp thống nhất và Luật Đầu tư chung nhằm tạo sự cải thiện căn bản trong môi trường kinh doanh và môi trường đầu tư, và phấn đấu sớm trở thành thành viên của WTO tại kỳ họp thứ 8 Quốc hội khoá XI tháng 11/2005. Đó là những cố gắng chắc chắn sẽ đem lại cho nền kinh tế Việt Nam một triển vọng phát triển tốt đẹp.

Tuy nhiên, giới nghiên cứu kinh tế hiện nay đều nhận định rằng, để giải quyết vấn đề phát triển của mình, đặc biệt là vấn đề tụt hậu phát triển trong môi trường hội nhập quốc tế, *nền kinh tế Việt Nam đang đứng trước nhiều thách thức lớn và gay gắt.* Yêu cầu về *đổi mới và cải cách thể chế* ngày càng gia tăng khi Việt Nam tiến gần hơn tới ngưỡng cửa hội nhập thực sự đầy đủ vào nền kinh tế thế giới. *Cách tiếp cận “phát triển trong môi trường hội nhập và dựa vào hội nhập” đang trở thành quan điểm định hướng cho các nỗ lực cải cách, tăng trưởng và phát triển trong giai đoạn tới.*

Trên cơ sở của quan điểm mới và quan trọng này, *Chương*

trình nghị sự cho phát triển của Việt Nam đang đặt ra hàng loạt nhiệm vụ cần phải giải quyết ở tầm chiến lược. Thứ nhất, cần tiếp tục đổi mới mạnh mẽ tư duy phát triển. Kinh nghiệm đổi mới cho thấy, đây luôn là điểm khởi đầu quyết định cho một quá trình, một giai đoạn mới. Điều quan trọng là, *phải nhận thức đầy đủ và sâu sắc những xu hướng mới và những thay đổi đang diễn ra trên thế giới.* Bởi vì, đối với một nền kinh tế mở và hội nhập nhanh, tình hình thế giới sẽ tác động rất mạnh đến sức mạnh của nó. Do vậy, *cách nhìn thế giới phải được coi là cơ sở cho sự đổi mới tư duy chiến lược và chính sách phát triển của đất nước.* Sự nhận diện thế giới hiện nay được giới nghiên cứu kinh tế Việt Nam quy về 3 điểm then chốt. Một là, *xu thế toàn cầu hoá;* hai là *quá trình chuyển nhanh sang kinh tế tri thức* và ba là *sự thay đổi nhanh chóng và sâu sắc tương quan sức mạnh và cục diện phát triển trên thế giới.* Thế giới đang thay đổi sâu sắc và nhanh chóng trên cơ sở của công thức phát triển *“tư duy toàn cầu và hành động quốc gia”.* Với một đất nước nghèo, trình độ phát triển thấp và chỉ đang trong quá trình hội nhập vào thế giới, đây quả thật là những vấn đề mới mẻ và không dễ thực hiện. Nhưng đó lại là những việc không thể không làm mà còn phải thực hiện một cách xuất sắc.

Yêu cầu thứ hai trong đổi mới tư duy phát triển là *đổi mới tư duy về mô hình tăng trưởng và phát triển.* Giới nghiên cứu kinh tế Việt Nam cho rằng, chúng ta không thể thoát khỏi tình trạng tụt hậu phát triển nếu như vẫn tiếp tục mô hình phát triển truyền thống, tức là dựa chủ yếu vào khai thác tối đa tài nguyên, coi trọng tốc độ tăng trưởng mà coi nhẹ các mục tiêu khác có tính tổng hợp và “động” như chất lượng tăng trưởng, phát triển con người và năng lực cạnh tranh. Việt Nam cần chuyển sang mô hình tăng trưởng hiện đại, dựa ngày càng nhiều vào tri thức và công nghệ hiện đại, coi con người là mục tiêu và lực lượng phát triển chủ đạo, lấy rượt đuổi công nghệ, bám đuổi tri thức là phương thức chủ đạo để tiến kịp thế giới.

Yêu cầu thứ ba trong đổi mới tư duy phát triển là *đổi mới mạnh mẽ quan niệm về mục tiêu phát triển.* Sự nhấn mạnh đến các mục tiêu khẳng định vị thế của Việt Nam trong nền kinh tế thế

giới và khu vực cần được coi là điểm then chốt trong tư duy chiến lược hiện nay. Tức là, phấn đấu trở thành cường quốc xuất khẩu một hoặc một số hàng hoá quan trọng, thành mắt khâu không thể thiếu trong hệ thống phân công lao động toàn cầu và khu vực mới đang định hình trong bối cảnh các nền kinh tế khổng lồ như Trung Quốc và Ấn Độ đang trỗi dậy và trở thành các nền kinh tế có khả năng chi phối luật lệ và quy tắc của “trò chơi” phát triển trên toàn cầu và khu vực.

Yêu cầu thứ tư là cần khẳng định rõ vai trò định hướng tư duy và hành động phát triển của quan điểm “tăng trưởng và phát triển trong môi trường hội nhập và dựa vào hội nhập” trong giai đoạn phát triển mới. Nhà nước Việt Nam chủ trương chủ động mở cửa và hội nhập quốc tế. Tuy nhiên, cần phải định rõ hơn nữa bản chất của quá trình này. Theo các nhà kinh tế Việt Nam, đó là bản chất “*phát triển dựa vào hội nhập*”. Việc xác định bản chất như vậy không có giá trị tự nó mà nhằm đến một mục tiêu cao hơn: *quá trình chủ động tham gia hội nhập quốc tế phải biến thành một quá trình tích cực.* Khi đó, như kinh nghiệm cho thấy, Việt Nam sẽ gạt hái được gấp bội lợi ích phát triển và nhờ đó, cũng đóng góp tích cực hơn cho sự phát triển kinh tế của khu vực và thế giới.

Trên cơ sở nhận định tình hình và cách tiếp cận mới đến tư duy phát triển như vậy, Việt Nam cần tiến đến một chiến lược phát triển được xác định cụ thể và bảo đảm sự nhất quán trong các yếu tố cấu thành của nó. Nghĩa là, xây dựng một chiến lược công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước mang tính hiện thực và khả thi. Các mục tiêu phải bảo đảm đưa đất nước thoát ra khỏi tụt hậu và phát triển được trong môi trường cạnh tranh quốc tế ngày càng gay gắt. Để đạt được điều đó Việt Nam cần một *chiến lược phát triển khôn ngoan*, có tầm chiến lược dài hạn và tự nó nuôi dưỡng được một quyết tâm phát triển trong hội nhập. Việt Nam là nước đi sau, việc xây dựng một chiến lược như vậy là có thể được, song đó là một quá trình diễn ra *trong môi trường quốc tế đầy thách thức và cực kỳ rủi ro.*

Các nhà kinh tế học Việt Nam cho rằng *đây là những ý tưởng*

chủ đạo để nghĩ tới một chiến lược CNH, HĐH rút ngắn: rút ngắn thời gian thực hiện các bước mà các nước đi trước đã trải qua, chuyển nhanh sang các ngành, các công đoạn, các quá trình phát triển dựa vào công nghệ hiện đại bằng những bước “nhảy vọt cơ cấu”. Để thực hiện logic phát triển này, mô hình tăng trưởng của Việt Nam sẽ phải thay đổi mạnh mẽ. Chắc chắn yếu tố quốc tế sẽ chiếm vị trí trọng yếu trong mô hình này, cả thị trường lẫn đầu tư. Dòng FDI sẽ đóng vai trò quyết định trong việc cải thiện năng lực công nghệ, kỹ thuật, quản trị và khả năng tiếp cận thị trường của Việt Nam. Đây là yếu tố có vai trò đặc biệt quan trọng giúp Việt Nam có một chỗ đứng chắc chắn trong hệ thống phân công lao động quốc tế và khu vực. Điều đó thể hiện sự kết hợp đặc trưng của công thức phát triển “thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa” dựa vào FDI như một lực lượng dẫn dắt công nghệ (dẫn dắt tiến trình cơ cấu) ở Việt Nam trong giai đoạn đầu của quá trình CNH. Công thức này thể hiện một cách tiếp cận mới, một tầm nhìn đối với công cuộc phát triển của nước ta trong thế giới hiện đại. Đó là tầm nhìn toàn cầu, coi các quá trình toàn cầu và hội nhập là động lực cơ bản của sự phát triển quốc gia. Tất nhiên, không thể phủ nhận vai trò nền tảng và quyết định của các lực lượng và yếu tố trong việc nhấn mạnh yếu tố quốc tế nhằm làm nổi bật yêu cầu đổi mới tư duy phát triển, đồng thời nó dẫn tới đòi hỏi phải thay đổi mạnh mẽ và triệt để môi trường kinh doanh trong nước.

Trên thực tế, các phương tiện thông tin đại chúng và sách báo trong và ngoài nước cho thấy rằng, kinh tế Việt Nam đang có những bước chuyển mới, với chất lượng phát triển ngày một cải thiện. Đặc biệt là Kỳ họp thứ 8 Quốc hội khóa XI đã thông qua những định hướng lớn cho 2006 và hàng loạt đạo luật quan trọng liên quan đến yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế của Việt Nam. Kế hoạch năm 2006-2010 đánh dấu bước ngoặt về chất trong sự phát triển kinh tế - xã hội với hướng phấn đấu đến năm 2010 thu nhập bình quân đầu người tăng từ 640 USD hiện nay lên 1.000 USD, hình thành đồng bộ các thị trường cơ bản (thị trường vốn, thị trường chứng khoán, thị trường bất động sản...) và hội nhập đầy đủ vào kinh tế thế giới thông qua gia nhập WTO -

tổ chức thương mại lớn nhất toàn cầu. Trong thời gian tới sẽ tập trung vốn theo 3 hướng: hoàn thiện và phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, giải quyết các vấn đề xã hội (xoá đói giảm nghèo, nâng cao chất lượng giáo dục và y tế, giảm cách biệt giữa các vùng, miền), xây dựng và hoàn thiện thể chế, chính sách xử lý các vấn đề nảy sinh sau khi gia nhập WTO.

Những vấn đề được đặt ra tại Hội nghị Nhóm tư vấn các nhà tài trợ cho Việt Nam được tổ chức vào ngày 6, 7/12/2005 tại Hà Nội do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cùng WB phối hợp cũng cho thấy những tín hiệu khả quan. Hội nghị tập trung chính vào chủ đề “Đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, sớm ra khỏi tình trạng kém phát triển” của Việt Nam. Tại Hội nghị này Phó Thủ tướng Vũ Khoan đã khẳng định, những thay đổi mạnh mẽ trong bức tranh kinh tế Việt Nam là nhờ sự chuyển đổi từ quá trình cổ phần hoá DNNN, việc phát hành trái phiếu Chính phủ, trái phiếu công trình, trái phiếu doanh nghiệp... Trước đại diện khoảng 50 nhà tài trợ song phương và đa phương cho Việt Nam, Phó thủ tướng Vũ Khoan và Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư Võ Hồng Phúc đã cam kết Việt Nam sẽ chú trọng về chất lượng, tăng tính bền vững cho tăng trưởng. Để thực hiện các mục tiêu đó, trong năm tới Việt Nam sẽ cần khoảng 140 tỷ USD, và như vậy vốn đầu tư trong GDP sẽ tăng từ 37,5% trong 5 năm trước đây lên đạt 40%, vốn đầu tư từ khu vực dân cư và tư nhân sẽ tăng từ 27% lên đạt 34%. Vốn ODA trong những năm 2005-2010 đạt 11 tỷ USD (so với 7,8 tỷ USD trong những năm 2001-2005). Tại Hội nghị này, Giám đốc WB Klaus Rohland cũng đánh giá cao những nỗ lực của Chính phủ Việt Nam trong thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, với những con số ấn tượng: năm 2005 - GDP tăng trên 8%, tỷ lệ đói nghèo giảm mạnh, “*Việt Nam là một trong những ví dụ sinh động nhất về sự thành công trong tăng trưởng kinh tế đi đôi với giảm đói nghèo*”. Theo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, mức lạm phát năm 2005 là 8%, nhưng có khả năng thấp hơn tốc độ tăng trưởng kinh tế (khoảng 8,4%). Tuy nhiên, WB cũng cảnh báo rằng, các khoản vay ngoại tệ lớn và cho vay bất động sản đang là mối lo đối với các ngân hàng, khi việc đua nhau tăng lãi suất để thu hút lượng tiền gửi diễn ra trong bối cảnh thay đổi tỷ

giá của một số đồng tiền mạnh trong khu vực. Việc 117,7 yên Nhật ăn 1 USD hôm 1/12/2005 làm cho tỷ giá đồng yên giảm 14% trong năm 2005, gây sức ép tụt giá đối với các đồng tiền khác ở châu Á. Dưới sức ép của Mỹ và thế giới, tháng 7 năm 2005 Trung Quốc đã nâng cao giá đồng nhân dân tệ lên 2,1% so với đô la Mỹ, như vậy là thấp hơn so với giá trị thực của nó.

Trong báo cáo gần đây (tháng 9/2005), ADB cho biết, các nước đang phát triển ở châu Á sẽ có mức tăng trưởng khá tốt trong năm nay và năm tới, ở mức trung bình là 6,6%, riêng GDP của Trung Quốc tăng 9,2%, Ấn Độ tăng 6,9%. Đối với Việt Nam, mặc dù tăng trưởng GDP có thể đạt 8%, nhưng trong bối cảnh này, ông Ramesh Adhikari, kinh tế gia trưởng của ADB cho rằng, Việt Nam cần xem lại mức lạm phát, vì trong khi xuất dầu thô, Việt Nam vẫn phải nhập xăng với giá cao của thế giới, và tình trạng tăng giá nói chung tại Việt Nam có thể ảnh hưởng tới tốc độ phát triển kinh tế.

Về *hoạt động kinh doanh* của Việt Nam năm 2005 cũng đạt được những thành quả cải cách đáng khích lệ. Năm nay, Việt Nam là năm thứ ba liên tiếp được đưa vào Báo cáo Hoạt động kinh doanh. Hiện tại Việt Nam được xếp vào nhóm 10 quốc gia có tốc độ cải cách nhanh nhất, một thứ hạng nhảy vọt so với năm trước. Sự tiến bộ của Việt Nam có được là nhờ những cải cách về luật pháp trong các lĩnh vực đăng ký kinh doanh, đăng ký tài sản, bảo vệ các nhà đầu tư, cưỡng chế tuân thủ hợp đồng, và phá sản doanh nghiệp. Tuy nhiên, trong khi các nước trong khu vực như Singapore, Thailand, Malaysia được xếp vào nhóm 30 quốc gia tạo điều kiện dễ dàng nhất cho hoạt động kinh doanh thì Việt Nam vẫn còn nằm trong nhóm 60 quốc gia khó khăn nhất cho các hoạt động này. Năng lực cạnh tranh cũng bị giảm sút. Theo Báo cáo Cạnh tranh Toàn cầu năm 2004-2005 của Diễn đàn Kinh tế Thế giới, Việt Nam xếp thứ 77/104 về năng lực cạnh tranh, thứ hạng về cạnh tranh kinh doanh cũng bị giảm từ 50/95 nước xuống 79/103 nước. Do đó Việt Nam cần tích cực cải cách hơn nữa để cải thiện vị trí của mình trong các bảng xếp hạng.

2. Vấn đề hội nhập kinh tế quốc tế

Đây là một trong những đề tài nổi trội của giới nghiên cứu

nhằm tổng kết thực tiễn và đóng góp những ý tưởng thiết thực cho tiến trình tiếp tục đổi mới của nước ta. Nhiều nhà nghiên cứu kinh tế đã quan tâm và đưa ra những công trình về quá trình phát triển nhận thức của Việt Nam về toàn cầu hoá kinh tế và sự hình thành tư duy mới về hội nhập kinh tế quốc tế ở nước ta. Đồng thời cho rằng, *toàn cầu hoá kinh tế đang trở thành khuôn khổ phát triển mới cho mọi nền kinh tế quốc gia và khu vực*, nó đang đặt ra yêu cầu đối với các quốc gia phải dỡ bỏ các rào cản về thương mại, đầu tư, tài chính, công nghệ, lao động có kỹ năng và thể chế cho các quá trình phát triển toàn cầu. Nghĩa là, các nền kinh tế phải thực hiện tự do hoá thông qua việc mở cửa và xâm nhập vào thị trường của các nước khác để tiếp cận vốn, công nghệ, kỹ thuật quản lý và các dịch vụ phát triển đã và đang ngày càng trở nên đa dạng và mang tính toàn cầu. *Quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của các nước phản ánh sự bất kịp và thích ứng của các nền kinh tế vào nền kinh tế thế giới đang vận hành theo nguyên tắc kinh tế thị trường tự do hoá, thực hiện giảm thiểu các khác biệt và không phân biệt đối xử.* Trên cơ sở nhận thức đúng về toàn cầu hoá kinh tế và hội nhập kinh tế quốc tế, từ Đại hội VI đến Đại hội IX của Đảng Cộng sản Việt Nam, *tư duy mới về hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam đã từng bước hình thành và phát triển.* Điều đặc biệt là, chủ trương chủ động hội nhập đã được phát triển thành “chủ động tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, thực hiện đầy đủ các cam kết quốc tế đa phương, song phương đã ký kết và chuẩn bị tốt các điều kiện để sớm gia nhập WTO” (Hội nghị 9 Trung ương khoá IX). *Sau 20 năm đổi mới, tư duy về hội nhập kinh tế quốc tế đã ngày càng hoàn thiện và sâu sắc hơn.* Một là, hội nhập kinh tế quốc tế được thừa nhận rộng rãi là một tiến trình mang tính hai mặt: thể hiện được lợi thế và tính tự cường quốc gia - dân tộc và tham gia loại trừ dần các khác biệt để Việt Nam trở thành một bộ phận cấu thành trong chính thể thị trường khu vực và thế giới. Hai là, hội nhập kinh tế quốc tế được diễn ra trên tất cả các cấp độ: đơn phương (nỗ lực cải cách bên trong) song phương và đa phương (cả khu vực và toàn cầu), trong đó hội nhập toàn cầu là khuôn khổ để xác định các lộ trình cụ thể. Ba là, tận dụng ưu trội của các chế định song phương,

đa phương cho mục tiêu cuối cùng là đảm bảo lợi ích quốc gia và phát triển đất nước. *Bốn là*, hội nhập là một quá trình cụ thể, làm bộc lộ các nguồn lực và điều kiện kinh tế-xã hội đặc thù quốc gia, quá trình đó không giống nhau giữa các nước khác nhau và theo đó, nỗ lực cải cách bên trong mỗi nước quyết định sự thành công của tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế.

Các tác giả khẳng định rằng, cùng với quá trình phát triển kinh tế thị trường, tư duy về mở cửa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam đã tiến một bước đáng kể trên con đường đưa nền kinh tế đến gần nhất và trở thành một bộ phận hữu cơ của nền kinh tế thị trường khu vực và toàn cầu. Tư duy mới về hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam là phù hợp với xu thế chung của nền kinh tế thế giới, phù hợp với điều kiện kinh tế-xã hội của đất nước, Điều quan trọng hơn là nó đang trở thành tư duy xuyên suốt, là phương thức để thực hiện công cuộc xây dựng và phát triển đất nước vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”.

Sau 20 năm hội nhập kinh tế quốc tế, Việt Nam đã giải quyết được khá tốt nhiều vấn đề xã hội, môi trường. Có thể kể đến: môi trường chính trị - xã hội ổn định khiến cho Việt Nam có hình ảnh tích cực trong cộng đồng quốc tế, điểm đến hấp dẫn hơn cho các nhà đầu tư và du lịch; vấn đề giảm nghèo đạt kết quả khá khả quan, và điều quan trọng hơn, con người trở thành trung tâm trong mọi điều chỉnh chiến lược về phát triển kinh tế - xã hội. Bối cảnh thế giới hiện có những xu hướng mới. Các chuyển động kinh tế khu vực và thế giới đang diễn ra nhanh với nhiều chiều hướng khác biệt đan xen lẫn nhau. *Sự ra đời rầm rộ của các Khu vực Mậu dịch tự do (FTA)* trong khu vực Đông Á trên nhiều tuyến, kể cả giữa các nước trong cùng một định chế đa phương, đang khiến cho không ít nước, nhất là các nước đi sau, đang lúng túng khi điều chỉnh chính sách hội nhập. Một hướng khác là, trong khi việc đàm phán các FTA đang diễn ra, *quá trình thống nhất kinh tế mạnh mẽ trong các khu vực* đang đưa đến *ý tưởng hình thành các Cộng đồng kinh tế*. Các nước ASEAN đã xúc tiến cho *ý tưởng hình thành Cộng đồng Đông Á*.

Sự trỗi dậy của Trung Quốc và các thành tựu ngoạn mục của Ấn Độ, đang trở thành mối quan tâm của hầu hết các quốc gia trên thế giới. Cơ hội cho các nhân tố này mang lại là rất lớn bởi nó tạo động thái và hiệu ứng tăng trưởng cho khu vực và thế giới, song thách thức của chúng cũng không nhỏ khi hai nước này, đặc biệt là Trung Quốc đang là “công xưởng của thế giới”.

Trong xu thế đẩy mạnh toàn cầu hoá kinh tế và bước chuyển sang kinh tế tri thức của nền kinh tế toàn cầu hiện nay, các nhà kinh tế Việt Nam lưu tâm đặc biệt đến ba vấn đề mới: 1) “*chuỗi giá trị toàn cầu*” đang trở thành khuôn khổ xác định khả năng tham gia vào phân công lao động quốc tế dựa trên lợi thế so sánh của từng nước và theo đó, mạng sản xuất toàn cầu và khu vực sẽ đặt ra yêu cầu các quốc gia phải định hướng lại các lựa chọn phát triển của mình về cơ cấu, động thái “phối hợp” trong sản xuất toàn cầu có khuynh hướng nổi trội diễn ra đồng thời với cạnh tranh thế quốc tế. 2) *Khuynh hướng dịch vụ hoá nền kinh tế toàn cầu*, nhất là dịch vụ dựa trên công nghệ và tri thức cao, đang tác động đến tất cả các nước. Dĩ nhiên, dịch vụ tạo việc làm và dịch vụ hỗ trợ phát triển công nghiệp là phù hợp và quan trọng nhất đối với các nước đang trong giai đoạn đầu của CNH. 3) *Khuynh hướng phát triển rút ngắn*, đòi hỏi các nước đi sau phải có các bước đột phá trong phát triển nhờ mở rộng dịch vụ, thương mại và bùng nổ thu hút FDI, thực hiện phát triển bền vững để giảm thiểu các rủi ro và tính dễ tổn thương do toàn cầu hoá mang lại.

Trong giai đoạn từ nay đến năm 2010, cục diện thế giới với xu thế hoà bình, hợp tác và phát triển vẫn là dòng chính. Một cuộc chiến tranh thế giới sẽ khó xảy ra, song thế giới vẫn là bất ổn, phức tạp, căng thẳng, không thái bình, luôn xáo trộn bởi các xung đột diễn ra dưới nhiều hình thức (cả truyền thống và phi truyền thống), trong đó có mối lo ngại lớn nhất là sự bành trướng của chủ nghĩa khủng bố quốc tế và chủ nghĩa chính trị cường quyền... Nói tóm lại, trong tiếp cận phát triển của mỗi nước, cần phải có chiến lược phù hợp và có cơ chế cảnh báo sớm để không bị sốc trước các biến động bất thường có thể xảy ra của nền kinh tế và chính trị toàn cầu.

Đối với Việt Nam, cần *tiếp tục đổi mới tư duy về phát triển và hội nhập kinh tế quốc tế*. Hội nhập kinh tế quốc tế phải là động lực cho phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Cần tiếp tục thể hiện tư tưởng xuyên suốt: tiến hành tiến trình cải cách bên trong đất nước giữ vai trò quyết định đối với sự thành công của hội nhập kinh tế quốc tế. Phương châm chủ động tích cực hội nhập kinh tế quốc tế cần tiếp tục được quán triệt sâu sắc trong giai đoạn phát triển tới... Trên cơ sở đó, điều chỉnh chính sách phù hợp và thích ứng trong từng thời kỳ, từng giai đoạn và hoàn cảnh cụ thể để phát triển chất lượng và bền vững.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Jonathan Pincus. Việt Nam và các mục tiêu thiên niên kỷ – cơ hội và thách thức. T/c Tài chính, số 8/2005.
2. Dự báo một số chỉ tiêu kinh tế – xã hội năm 2005 và một số chính sách phát triển kinh tế – xã hội chủ yếu cho năm 2006. (Thanh Hằng tổng hợp từ Hội nghị toàn ngành kế hoạch và đầu tư, ngày 16/6/2005). T/c Thông tin kinh tế – xã hội, số 6/2005.
3. Việt Nam trong Báo cáo kinh doanh năm 2006. Bình luận của Ngân hàng Thế giới và Công ty Tài chính Quốc tế công bố ngày 14/9/2005.
4. Mục tiêu phát triển thiên niên kỷ – thách thức trong quá trình thực hiện tại Việt Nam. (Hong Phương tổng hợp từ Hội nghị toàn quốc ngành kế hoạch và đầu tư triển khai xây dựng kế hoạch năm 2006 ngày 16/6/2005 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư). T/c Thông tin kinh tế – xã hội, số 6/2005.
5. Nguyễn Xuân Thắng. Chủ động tích cực hội nhập kinh tế quốc tế - động lực phát triển của Việt Nam trong giai đoạn mới. T/c Những vấn đề kinh tế thế giới, số 9/2005.
6. Trần Đình Thiên. Kinh tế Việt Nam: chất lượng mới cho giai đoạn phát triển mới. T/c Chứng khoán Việt Nam, số 8/2005.
7. Năm 2005 – kinh tế thế giới tăng trưởng chậm lại? T/c Con số

- và sự kiện, số 1+2/2005.
8. Trần Hồng Quang. Triển vọng kinh tế thế giới năm 2005. T/c Những vấn đề kinh tế thế giới, số 1 và số 2/2005.
 9. Lê Thị Băng Tâm. Cổ phần hoá đang bước vào giai đoạn tăng tốc... T/c Tài chính, số 3/2005.
 10. Trần Đình. Phát triển hài hoà kinh tế và xã hội. (Xây dựng và phát triển hệ thống an sinh xã hội). Thời báo Kinh tế Việt Nam số 228, ngày 6/11/2005.
 11. Công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn. Tin từ Báo Nhân dân, ngày 28/7/2005, www.nhandan.org.vn.
 12. Việt Nam bị tụt 17 bậc về cạnh tranh. www.vnn.vn, ngày 15/2/2005.
 13. Việt Nam có tăng trưởng GDP vượt trội ở châu Á? BBC, ngày 9/9/2005.
 14. Dự thảo kế hoạch 5 năm (2006-2010): kinh tế tư nhân là động lực. vneconomy.com.vn, ngày 12/3/2005.
 15. Kinh tế 2004-2005: Việt Nam và Thế giới. Thời báo Kinh tế Việt Nam.